**TÓM TẮT SẢN PHẨM**

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG - QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

Bảo hiểm Liên kết chung - Quyền lợi ưu việt đã được Bộ Tài chính phê chuẩn vào năm 2014, sản phẩm được phân phối thông qua Kênh Đại lý bảo hiểm và Kênh liên kết ngân hàng và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ quý khách hàng. Sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung - Quyền lợi ưu việt có một số đặc điểm nổi bật sau:

* Sản phẩm sẽ tồn tại song song 2 tài khoản là tài khoản cơ bản và tài khoản tích lũy giúp khách hàng tối đa hóa kế hoạch tiết kiệm của mình cũng như duy trì quyền lợi bảo vệ trong suốt thời hạn của hợp đồng.
* Khách hàng có thể linh hoạt lựa chọn mức phí đóng cũng như Số tiền bảo hiểm (STBH) phù hợp với từng giai đoạn trong cuộc sống.
* Sản phẩm cung cấp 2 lựa chọn quyền lợi bảo hiểm: Quyền lợi bảo hiểm cơ bản và Quyền lợi bảo hiểm nâng cao, giúp khách hàng chủ động quyết định giá trị bảo hiểm trước các rủi ro tàn tật toàn bộ vĩnh viễn và tử vong tùy theo nhu cầu của mình. Đồng thời, sản phẩm cho phép khách hàng được quyền chuyển đổi giữa 2 lựa chọn quyền lợi bảo hiểm này khi có sự thay đổi các nhu cầu bảo hiểm và tiết kiệm trong cuộc sống.
* Mỗi sự kiện quan trọng như kết hôn, sinh con là những lúc mà trách nhiệm của người trụ cột sẽ gia tăng, khách hàng sẽ được quyền tăng thêm số tiền bảo hiểm lên đến 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại mà không cần cung cấp bằng chứng về sức khỏe và tài chính.
* Khách hàng sẽ được tăng thêm quyền lợi tử vong do tai nạn tương ứng 100% Số tiền bảo hiểm hiện tại khi Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đúng hạn.
* Khách hàng sẽ được tăng thêm quyền lợi không hút thuốc tương ứng 10% Số tiền bảo hiểm hiện tại khi được xác định là không hút thuốc lá tại thời điểm tử vong.
* Khách hàng sẽ được hỗ trợ khi mắc bệnh Ung thư với 25% Số tiền bảo hiểm được ứng trước từ quyền lợi bảo hiểm tử vong để có thể trang trải các chi phí điều trị bệnh.

**ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM**

**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG - QUYỀN LỢI ƯU VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **QUYỀN LỢI SẢN PHẨM** | |
| **Quyền lợi bảo hiểm tử vong và tàn tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTB&VV)** | ***Quyền lợi bảo hiểm cơ bản:***  Giá trị tài khoản tích lũy công với số tiền lớn hơn của:   1. Số tiền bảo hiểm hiện tại được tính tại thời điểm tử vong hoặc TTTB&VV; hoặc 2. Giá trị tài khoản cơ bản được tính tại thời điểm tử vong hoặc TTTB&VV.   ***Quyền lợi bảo hiểm nâng cao:***  Công ty sẽ chi trả tổng số tiền của:   1. Số tiền bảo hiểm hiện tại được tính tại thời điểm tử vong hoặc TTTB&VV; và 2. Giá trị tài khoản được tính tại thời điểm tử vong hoặc TTTB&VV.   Lưu ý: quyền lợi TTTB&VV từ 30 ngày tuổi đến 70 tuổi và được chi trả một lần |
| **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn** | Quyền lợi bảo hiểm cơ bản hoặc Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cộng với 100% STBH hiện tại  Lưu ý: Quyền lợi này được cung cấp cho NĐBH từ 30 ngày tuổi đến 65 tuổi |
| **Quyền lợi bảo hiểm không hút thuốc lá** | Công thêm 10%STBH hiện tại nếu xác định tại thời điềm tử vong không hút thuốc lá  Lưu ý: Quyền lợi này được cung cấp cho NĐBH từ 15 tuổi trở lên |
| **Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư** | ứng trước 25% STBH hiện tại từ Quyền lợi bảo hiểm tử vong |
| **Quyền lợi đáo hạn** | Giá trị tài khoản |
| **Thưởng duy trì hợp đồng** | Vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ:   * 10: 100% tổng Số tiền tính thưởng * 15: 10% tổng Số tiền tính thưởng * 20: 10% tổng Số tiền tính thưởng   Tổng Số tiền tính Thưởng là tổng khoản lãi tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản được tính vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6, 7, 8, 9 và 10 theo bảng sau:   | Ghi nhận Số tiền tính Thưởng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ | Số tiền tính thưởng | | --- | --- | | 6 | 50% Khoản lãi đã tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Năm hợp đồng thứ 2 đến Năm hợp đồng thứ 6 | | 7 | 50% Khoản lãi đã tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Năm hợp đồng thứ 3 đến Năm hợp đồng thứ 7 | | 8 | 50% Khoản lãi đã tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Năm hợp đồng thứ 4 đến Năm hợp đồng thứ 8 | | 9 | 50% Khoản lãi đã tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Năm hợp đồng thứ 5 đến Năm hợp đồng thứ 9 | | 10 | 50% Khoản lãi đã tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Năm hợp đồng thứ 6 đến Năm hợp đồng thứ 10 |   Điều kiện nhận thưởng: Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đủ trong những năm HĐ trước đó. |
| **Mức lãi suất cam kết tối thiểu** | Năm 1: 5,0%  Năm 2: 5,0%  Năm 3: 4,5%  Năm 4: 4,5%  Năm 5: 4,0%  Năm 6: 3,5%  Năm 7: 3,0%  Năm 8: 2,5%  Năm 9 trở đi: 2,0% |
| **Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm** | ***Từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao:***   * Thực hiện trước năm 35 tuổi và tuổi khi tham gia là dưới 18 tuổi   ***Từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản:***   * Thực hiện trước năm 65 tuổi |
| **Quyền đảm bảo tăng STBH mà không thẩm định sức khỏe** | Thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ sự kiện kết hôn hoặc sinh con của NĐBH và trước 65 tuổi  STBH tăng thêm: lên đến 25% STBH hiện tại |
| **Thay đổi STBH** | Thực hiện từ năm thứ 3 trở đi và trước 65 tuổi  Đối với Quyền lợi bảo hiểm nâng cao: có thể giảm STBH xuống mức thấp nhất theo quy định của Công ty từ 65 tuổi trở đi |
| **Đóng thêm phí** | Thực hiện vào bất kỳ lúc nào   * Số tiền tối thiểu: không quy định * Số tiền tối đa: 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm |
| **Rút tiền từ tài khoản** | Thực hiện từ năm thứ 3 trở đi   * Số tiền tối thiểu: 2 triệu đồng/lần * Số tiền tối đa: 80% Giá trị tài khoản * Phí rút tiền: không có |
| **Tạm ứng từ HĐ** | Thực hiện thông qua việc rút tiền   * Không phải trả lãi trên khoản tạm ứng * Không phải hoàn trả khoản tạm ứng |
| **CÁC LOẠI CHI PHÍ** | |
| **Chi phí ban đầu** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Năm HĐ | Phí BH cơ bản | Phí tích lũy | | 1 | 90% | 0% | | 2 | 70% | 0% | | 3 | 30% | 0% | | 4 | 20% | 0% | | 5+ | 1,5% | 0% | |
| **Chi phí bảo hiểm rủi ro** | là khoản chi phí để Công ty thực hiện cam kết đối với quyền lợi bảo hiểm rủi ro tại Hợp đồng bảo hiểm |
| **Chi phí quản lý hợp đồng** | 25.000 đồng/tháng |
| **Chi phí quản lý quỹ** | 2%/năm trên tổng tài sản quỹ |
| **Chi phí rút tiền** | Không có |
| **Chi phí hủy bỏ hợp đồng** | Không có |
| **THÔNG TIN KHI THAM GIA** | |
| **Tuổi tham gia** | 30 ngày tuổi đến 65 tuổi |
| **Tuổi kết thúc hợp đồng** | 100 tuổi |
| **Thời hạn hợp đồng** | Từ lúc tham gia đến ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi tròn 100 tuổi |
| **Thời hạn đóng phí** | Bằng thời hạn hợp đồng |
| **Thời hạn đóng phí bắt buộc** | 4 năm HĐ đầu tiên |
| **Số tiền bảo hiểm** | Số tiền bảo hiểm tối thiểu là 100 triệu đồng  Số tiền bảo hiểm tối đa phụ thuộc vào thẩm định của Công ty |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kỹ thuật** | Bảo hiểm Liên kết chung – Quyền lợi ưu việt |
| **Tên thương mại** | An Phúc Trọn Đời Ưu Việt |
| **Số công văn phê chuẩn** | 4281/BTC-QLBH- ngày 04/04/2014 |
| **Số bổ sung phê chuẩn** | 9971/BTC-QLBH- ngày 19/07/2016 |